

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: I - Năm học: 2022 - 2023

Môn học/Nhóm: GDQP – AN, Nhóm 41
CBGD: Nguyễn Thanh Hà

Số tín chỉ: 05

STT	Mã HS, SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	BP.1	BP.2	BP.3	BP.4	BP.5	Điểm quá trình	Ghi chú
1	2122170793	Phan Thanh	Bình	01/05/2004	CCQ2217LB	7.8	6.6	6.5	4.7	5.0	5.8	
2	2122170818	Lê Hữu	Chinh	18/02/2004	CCQ2217LB	7.5	7.0	7.0	9.0	6.0	7.4	
3	2122170840	Nguyễn Thanh	Chương	31/01/2004	CCQ2217LB	7.5	5.8	7.0	8.0	8.5	7.6	
4	2122170790	Nguyễn	Duy	10/07/2003	CCQ2217LB	7.8	5.2	7.0	9.0	9.0	8.0	
5	2122170833	Nguyễn Hoàng Bảo	Duy	10/09/2004	CCQ2217LB	7.8	7.6	7.0	5.7	8.0	7.1	
6	2122170850	Nguyễn Khánh	Duy	06/05/2003	CCQ2217LB	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
7	2122170789	Phan Nguyễn Đăng	Duy	10/01/2004	CCQ2217LB	7.5	5.2	7.0	8.0	8.0	7.4	
8	2122200170	Nguyễn Lan Ánh	Dương	11/05/2004	CCQ2220LA	7.8	6.2	7.0	9.3	8.0	7.9	
9	2122200168	Trương Quốc	Đan	05/09/2002	CCQ2220LA	7.8	5.4	6.0	7.7	6.0	6.7	
10	2122170780	Lê Xuân	Đạt	30/07/2004	CCQ2217LB	7.8	7.2	7.0	3.0	7.0	6.0	
11	2122170786	Nguyễn Hà Thành	Đạt	03/02/2004	CCQ2217LB	7.5	6.8	6.5	9.0	8.0	7.8	
12	2122170823	Phạm Văn	Đạt	12/11/2004	CCQ2217LB	7.5	7.6	7.0	8.7	8.0	7.9	
13	2122170771	Nguyễn Dương Minh	Đăng	26/08/2004	CCQ2217LB	7.5	6.4	7.0	9.3	7.0	7.6	
14	2122200165	Hồ Trương Phước	Điền	24/11/2004	CCQ2220LA	7.5	6.4	6.0	9.3	8.0	7.8	
15	2122170762	Quách Đình	Độ	26/05/2004	CCQ2217LB	8.0	6.0	6.0	5.3	8.0	6.7	
16	2122170772	Trần Phi	Hải	29/02/2004	CCQ2217LB	7.5	8.2	7.0	7.7	6.0	7.2	
17	2122170853	Hà Đức	Hào	11/01/2002	CCQ2217LB	7.5	8.0	7.5	9.0	8.5	8.3	
18	2122170792	Phan Anh	Hào	26/11/2004	CCQ2217LB	7.5	6.0	6.0	7.7	6.0	6.7	
19	2122170779	Phạm Tấn	Hậu	11/07/2004	CCQ2217LB	7.8	6.4	6.0	8.3	7.0	7.3	
20	2122170777	Phạm Hoàng	Hiệp	07/03/2004	CCQ2217LB	7.5	6.4	7.0	2.0	8.0	5.8	
21	2122170784	Phạm Quang	Hiếu	17/04/2004	CCQ2217LB	7.5	7.2	7.0	6.7	8.0	7.3	

22	2122170821	Nguyễn Minh	Hoàng	04/01/2004	CCQ2217LB	7.5	5.6	7.0	8.7	8.0	7.6	
23	2122120358	Lê Phúc Gia	Huy	11/07/2004	CCQ2217LB	7.8	5.6	6.0	8.3	6.0	6.9	
24	2122200166	Ngô Quang	Huy	05/09/2004	CCQ2220LA	7.8	6.8	7.0	5.3	8.0	6.9	
25	2122170849	Nguyễn Công	Huy	12/01/2004	CCQ2217LB	7.5	5.4	7.0	9.7	8.0	7.9	
26	2122170773	Trần Quang	Huy	10/10/2004	CCQ2217LB	8.0	6.2	7.0	9.0	8.0	7.9	
27	2122170839	Vũ Quang	Huy	26/11/2004	CCQ2217LB	7.5	8.4	7.0	8.7	8.0	8.0	
28	2122170776	Nguyễn Tuấn	Khải	11/01/2004	CCQ2217LB	7.5	7.0	7.0	7.0	8.0	7.4	
29	2122170822	Đỗ Phúc	Khang	25/06/2004	CCQ2217LB	7.5	8.2	7.0	9.7	8.0	8.3	
30	2122170775	Nguyễn Duy	Khang	20/12/2004	CCQ2217LB	8.0	5.4	7.0	8.3	8.0	7.6	
31	2122170795	Nguyễn Cao Kỳ	Khôi	11/05/2004	CCQ2217LB	7.5	6.6	7.0	7.0	8.0	7.3	
32	2122170851	Cao Trung	Kiên	20/04/2004	CCQ2217LB	7.8	5.2	7.0	5.3	8.0	6.7	
33	2122170767	Bùi Cao Bảo	Lâm	21/07/2004	CCQ2217LB	8.0	5.8	7.0	9.3	8.0	7.9	
34	2122170820	Nguyễn Đức Hoàng	Lịch	23/07/2004	CCQ2217LB	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
35	2122170766	Nguyễn Trọng	Lộc	14/03/2004	CCQ2217LB	7.8	6.4	6.0	5.0	8.0	6.6	
36	2122170845	Nguyễn Hồ Phúc	Lợi	02/07/2004	CCQ2217LB	7.5	6.6	7.5	9.3	8.0	8.0	
37	2122170785	Dương Hữu Hải	Nam	10/05/2004	CCQ2217LB	8.0	5.6	6.0	7.3	8.0	7.2	
38	2122170796	Huỳnh Hữu	Nghĩa	21/04/2004	CCQ2217LB	7.8	5.2	7.5	9.3	8.5	8.0	
39	2122170817	Võ Thành	Nhân	01/10/2003	CCQ2217LB	9.0	6.0	7.5	9.0	9.0	8.4	
40	2122170761	Nguyễn Trần Đức	Nhật	28/12/2004	CCQ2217LB	8.0	4.4	7.5	8.7	8.5	7.8	
41	2122200097	Đỗ Thị Yến	Nhi	09/03/2004	CCQ2220LA	7.8	5.0	7.0	5.0	8.0	6.5	
42	2122200225	Võ Song	Như	26/11/2004	CCQ2220LA	7.8	6.6	6.0	7.7	8.0	7.4	
43	2122170843	Dương Lê	Phong	20/01/2004	CCQ2217LB	8.0	6.0	7.0	8.7	8.0	7.8	
44	2122170769	Trần Mạnh Vũ	Phong	06/11/2004	CCQ2217LB	7.8	7.4	6.0	2.3	8.5	6.1	
45	2122170791	Trần Nguyên	Phong	30/08/2004	CCQ2217LB	7.5	6.0	6.0	8.7	8.0	7.6	
46	2122170834	Nguyễn Hữu	Phục	17/05/2004	CCQ2217LB	7.5	5.6	7.0	5.3	8.0	6.7	
47	2122170798	Trần Hữu	Phước	15/12/2004	CCQ2217LB	7.8	7.4	6.0	9.0	7.0	7.6	
48	2122200167	Võ Thị Uyên	Phương	28/11/2004	CCQ2220LA	7.8	5.0	7.0	9.3	8.0	7.8	
49	2122200169	Trần Lê Diễm	Quỳnh	07/09/2004	CCQ2220LA	7.8	6.2	7.0	8.3	8.5	7.8	
50	2122170794	Huỳnh Hoàng	Son	02/04/2004	CCQ2217LB	7.5	5.2	7.0	10.0	8.0	8.0	
51	2122170799	Ngô Hồng	Son	14/10/2004	CCQ2217LB	8.0	4.8	7.0	7.7	8.0	7.3	
52	2122170770	Đặng Minh	Thắng	20/01/2004	CCQ2217LB	8.0	5.4	7.0	8.7	8.0	7.7	
53	2122170816	Võ Quang	Thắng	19/04/2004	CCQ2217LB	7.5	6.2	7.0	8.3	8.0	7.6	
54	2122170764	Phan Đỗ Nhật	Thi	08/11/2004	CCQ2217LB	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
55	2122170787	Trần Lương Minh	Thuận	06/01/2004	CCQ2217LB	7.5	6.2	6.0	5.7	8.0	6.7	
56	2122170781	Trần Anh	Tiến	05/10/2004	CCQ2217LB	7.5	6.6	6.5	8.7	8.0	7.7	
57	2122200163	Dương Nguyễn Huyền	Trang	20/07/2003	CCQ2220LA	7.8	5.8	6.0	9.3	8.0	7.7	

58	2122170768	Nguyễn Hoàng Minh	Trí	16/06/2004	CCQ2217LB	7.5	6.0	7.0	9.0	8.0	7.8	
59	2122170841	Lê Thanh	Trọng	28/10/2004	CCQ2217LB	7.5	8.2	7.0	9.3	8.0	8.2	
60	2122170824	Nguyễn Thanh	Tú	01/04/2004	CCQ2217LB	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
61	2122170774	Chu Văn	Tuấn	03/03/2004	CCQ2217LB	8.0	6.6	7.0	6.7	8.0	7.3	
62	2122170842	Nguyễn Anh	Tuấn	26/04/2004	CCQ2217LB	7.5	7.6	7.0	9.0	8.0	8.0	
63	2122170130	Trần Phạm Hàn	Việt	27/06/2004	CCQ2217LB	7.5	6.2	7.0	8.7	8.0	7.7	
64	2122170763	Nguyễn Quang	Vinh	08/01/2004	CCQ2217LB	8.0	7.0	7.5	9.7	8.5	8.4	
65	2122170765	Nguyễn Quang	Vinh	02/01/2004	CCQ2217LB	8.0	6.8	7.0	4.0	8.5	6.7	
66	2122170852	Võ Trường	Vũ	19/02/2004	CCQ2217LB	7.5	6.8	7.0	8.3	8.5	7.8	
67	2122170153	Lương Tăng	Vương	24/02/2004	CCQ2217LB	8.0	7.4	7.0	7.3	8.5	7.7	

Tp. HCM, ngày 17 tháng 10 năm 2022

Giảng viên



Nguyễn Thanh Hà

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN

Học kỳ: I - Năm học: 2022 - 2023

Môn học/Nhóm: GDQP – AN, Nhóm 41
CBGD: Nguyễn Thanh Hà

Số tín chỉ: 05

STT	Mã HS, SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/Học phần
1	2122170793	Phan Thanh	Bình	01/05/2004	CCQ2217LB	5.8	5.2	5.4
2	2122170818	Lê Hữu	Chinh	18/02/2004	CCQ2217LB	7.4	6.6	6.9
3	2122170840	Nguyễn Thanh	Chương	31/01/2004	CCQ2217LB	7.6	6.6	7.0
4	2122170790	Nguyễn	Duy	10/07/2003	CCQ2217LB	8.0	6.4	7.0
5	2122170833	Nguyễn Hoàng Bảo	Duy	10/09/2004	CCQ2217LB	7.1	6.2	6.6
6	2122170850	Nguyễn Khánh	Duy	06/05/2003	CCQ2217LB	0.0	0.0	0.0
7	2122170789	Phan Nguyễn Đăng	Duy	10/01/2004	CCQ2217LB	7.4	5.2	6.1
8	2122200170	Nguyễn Lan Ánh	Dương	11/05/2004	CCQ2220LA	7.9	6.8	7.3
9	2122200168	Trương Quốc	Đan	05/09/2002	CCQ2220LA	6.7	4.8	5.5
10	2122170780	Lê Xuân	Đạt	30/07/2004	CCQ2217LB	6.0	6.4	6.2
11	2122170786	Nguyễn Hà Thành	Đạt	03/02/2004	CCQ2217LB	7.8	8.0	7.9
12	2122170823	Phạm Văn	Đạt	12/11/2004	CCQ2217LB	7.9	6.8	7.3
13	2122170771	Nguyễn Dương Minh	Đăng	26/08/2004	CCQ2217LB	7.6	6.4	6.9
14	2122200165	Hồ Trương Phước	Diễn	24/11/2004	CCQ2220LA	7.8	4.4	5.8
15	2122170762	Quách Đình	Độ	26/05/2004	CCQ2217LB	6.7	4.8	5.5
16	2122170772	Trần Phi	Hải	29/02/2004	CCQ2217LB	7.2	6.4	6.7
17	2122170853	Hà Đức	Hào	11/01/2002	CCQ2217LB	8.3	7.8	8.0
18	2122170792	Phan Anh	Hào	26/11/2004	CCQ2217LB	6.7	6.8	6.8
19	2122170779	Phạm Tấn	Hậu	11/07/2004	CCQ2217LB	7.3	6.0	6.5
20	2122170777	Phạm Hoàng	Hiệp	07/03/2004	CCQ2217LB	5.8	6.8	6.4
21	2122170784	Phạm Quang	Hiếu	17/04/2004	CCQ2217LB	7.3	5.4	6.2

22	2122170821	Nguyễn Minh	Hoàng	04/01/2004	CCQ2217LB	7.6	6.2	6.8
23	2122120358	Lê Phúc Gia	Huy	11/07/2004	CCQ2217LB	6.9	4.8	5.6
24	2122200166	Ngô Quang	Huy	05/09/2004	CCQ2220LA	6.9	5.8	6.2
25	2122170849	Nguyễn Công	Huy	12/01/2004	CCQ2217LB	7.9	6.0	6.8
26	2122170773	Trần Quang	Huy	10/10/2004	CCQ2217LB	7.9	5.2	6.3
27	2122170839	Vũ Quang	Huy	26/11/2004	CCQ2217LB	8.0	7.6	7.8
28	2122170776	Nguyễn Tuấn	Khải	11/01/2004	CCQ2217LB	7.4	6.2	6.7
29	2122170822	Đỗ Phúc	Khang	25/06/2004	CCQ2217LB	8.3	7.2	7.6
30	2122170775	Nguyễn Duy	Khang	20/12/2004	CCQ2217LB	7.6	4.6	5.8
31	2122170795	Nguyễn Cao Kỳ	Khôi	11/05/2004	CCQ2217LB	7.3	5.0	5.9
32	2122170851	Cao Trung	Kiên	20/04/2004	CCQ2217LB	6.7	5.2	5.8
33	2122170767	Bùi Cao Bảo	Lâm	21/07/2004	CCQ2217LB	7.9	4.8	6.0
34	2122170820	Nguyễn Đức Hoàng	Lịch	23/07/2004	CCQ2217LB	0.0	0.0	0.0
35	2122170766	Nguyễn Trọng	Lộc	14/03/2004	CCQ2217LB	6.6	6.0	6.2
36	2122170845	Nguyễn Hồ Phúc	Lợi	02/07/2004	CCQ2217LB	8.0	7.4	7.7
37	2122170785	Dương Hữu Hải	Nam	10/05/2004	CCQ2217LB	7.2	4.2	5.4
38	2122170796	Huỳnh Hữu	Nghĩa	21/04/2004	CCQ2217LB	8.0	6.4	7.0
39	2122170817	Võ Thành	Nhân	01/10/2003	CCQ2217LB	8.4	6.4	7.2
40	2122170761	Nguyễn Trần Đức	Nhật	28/12/2004	CCQ2217LB	7.8	6.0	6.7
41	2122200097	Đỗ Thị Yến	Nhi	09/03/2004	CCQ2220LA	6.5	6.2	6.3
42	2122200225	Võ Song	Như	26/11/2004	CCQ2220LA	7.4	4.6	5.7
43	2122170843	Dương Lê	Phong	20/01/2004	CCQ2217LB	7.8	5.2	6.2
44	2122170769	Trần Mạnh Vũ	Phong	06/11/2004	CCQ2217LB	6.1	5.8	5.9
45	2122170791	Trần Nguyên	Phong	30/08/2004	CCQ2217LB	7.6	6.6	7.0
46	2122170834	Nguyễn Hữu	Phục	17/05/2004	CCQ2217LB	6.7	5.2	5.8
47	2122170798	Trần Hữu	Phước	15/12/2004	CCQ2217LB	7.6	4.8	5.9
48	2122200167	Võ Thị Uyên	Phương	28/11/2004	CCQ2220LA	7.8	6.8	7.2
49	2122200169	Trần Lê Diễm	Quỳnh	07/09/2004	CCQ2220LA	7.8	5.6	6.5
50	2122170794	Huỳnh Hoàng	Son	02/04/2004	CCQ2217LB	8.0	6.6	7.1
51	2122170799	Ngô Hồng	Son	14/10/2004	CCQ2217LB	7.3	6.4	6.8
52	2122170770	Đặng Minh	Thắng	20/01/2004	CCQ2217LB	7.7	6.2	6.8
53	2122170816	Võ Quang	Thắng	19/04/2004	CCQ2217LB	7.6	6.0	6.6
54	2122170764	Phan Đỗ Nhật	Thi	08/11/2004	CCQ2217LB	0.0	0.0	0.0
55	2122170787	Trần Lương Minh	Thuận	06/01/2004	CCQ2217LB	6.7	7.0	6.9
56	2122170781	Trần Anh	Tiến	05/10/2004	CCQ2217LB	7.7	7.0	7.3
57	2122200163	Dương Nguyễn Huyền	Trang	20/07/2003	CCQ2220LA	7.7	4.8	6.0

58	2122170768	Nguyễn Hoàng Minh	Trí	16/06/2004	CCQ2217LB	7.8	6.6	7.1
59	2122170841	Lê Thanh	Trọng	28/10/2004	CCQ2217LB	8.2	6.2	7.0
60	2122170824	Nguyễn Thanh	Tú	01/04/2004	CCQ2217LB	0.0	0.0	0.0
61	2122170774	Chu Văn	Tuấn	03/03/2004	CCQ2217LB	7.3	6.6	6.9
62	2122170842	Nguyễn Anh	Tuấn	26/04/2004	CCQ2217LB	8.0	7.0	7.4
63	2122170130	Trần Phạm Hàn	Việt	27/06/2004	CCQ2217LB	7.7	6.0	6.7
64	2122170763	Nguyễn Quang	Vinh	08/01/2004	CCQ2217LB	8.4	5.6	6.7
65	2122170765	Nguyễn Quang	Vinh	02/01/2004	CCQ2217LB	6.7	5.6	6.0
66	2122170852	Võ Trường	Vũ	19/02/2004	CCQ2217LB	7.8	6.2	6.9
67	2122170153	Lương Tăng	Vương	24/02/2004	CCQ2217LB	7.7	6.0	6.7

Tp. HCM, ngày 17 tháng 10 năm 2022

Giảng viên



Nguyễn Thanh Hà